

Bản án số: **76** /2019/ DS-ST

Ngày: 15-5-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**
- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không có tham gia.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **TRƯƠNG THỊ N**, sinh năm 1964.
Địa chỉ: tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: Anh **HUỖNH KHẮC T**, sinh năm 1976(có mặt)
Địa chỉ: phường E, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **PHẠM VĂN L**, sinh năm 1972. (vắng mặt)
Bà **NGUYỄN THỊ M**, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:* Bà là chủ doanh nghiệp tư nhân mua bán thức ăn gia súc. Từ năm 2011 đến năm 2017 ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị M mua thức ăn của bà N nhiều lần theo hình thức trả sau, gói đầu. Hai bên không lập hợp đồng mua bán mà bà N ghi vào sổ tay ghi chép và ông L có ký tên mỗi lần lên nhận hàng. Do ông L trực tiếp lên mua hàng nên chỉ có chữ ký của ông L không có chữ ký của bà M. Do làm ăn

thua lỗ nên đến năm 2017 ông L, bà M không tiếp tục mua thức ăn và cũng không trả tiền cho bà N. Sau khi chốt sổ, phía ông L, bà M còn nợ bà N tiền thức ăn là 1.987.624.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 13/7/2011 ông L có mượn của bà N số tiền 100.000.000 đồng. Ông L có viết biên nhận và ký tên. Khi mượn ông L hẹn ngày 30/12/2011 sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà N yêu cầu ông L, bà M liên đới trả cho bà số tiền mua thức ăn và tiền mượn còn nợ tổng cộng là 2.087.624.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 15/4/2019 của bà N cũng như tại phiên tòa anh Huỳnh Khắc T đại diện ủy quyền của bà N chỉ yêu cầu ông L và M trả 1.951.204.000 đồng tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu và 100.000.000 đồng tiền vay. Tổng cộng là 2.051.204.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị M dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị M dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L và bà M. Đối với ông T đại diện theo ủy quyền của bà N tại phiên tòa chỉ yêu cầu ông L và bà M trả tổng cộng là 2.051.204.000 đồng. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp pháp luật nên được ghi nhận theo qui định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bởi lẽ, khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án sổ theo dõi việc mua bán thức ăn giữa bà N với ông L, cũng như việc ông L ký giấy vay tiền. Qua đối chiếu sổ sách hiện bà N xác định phía ông L, bà M còn nợ 1.951.204.000 đồng tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu và 100.000.000 đồng tiền vay. Bà đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông L, Bà M trả tiền nhưng ông bà vẫn không trả dẫn đến quyền, lợi ích nguyên đơn bị xâm phạm nên mới khởi kiện ra Tòa án. Mặt khác, tuy trong quá trình mua bán chỉ có ông L ký tên vào sổ mua bán thức ăn nhưng ông L và bà T là vợ chồng(có xác nhận của chính quyền địa phương), việc vay tiền cũng như chăn nuôi thực hiện tại gia đình, phục vụ nhu cầu gia đình nên bà N yêu cầu cả ông L, bà M cùng có trách nhiệm trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông L, bà T dù nhận đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đây là ông, bà tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích của mình nên có thiệt thòi gì thì ông bà tự gánh chịu. Do đó Hội

đồng xét xử buộc ông L, bà M trả cho bà N 2.051.204.000 đồng tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ và tiền vay là có cơ sở.

[3] Về án phí: Hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã đóng. Ông L, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N.

- Buộc ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Trương Thị N 1.951.204.000 đồng tiền nợ thức ăn gia súc và 100.000.000 đồng tiền vay. Tổng cộng là 2.051.204.000 đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L, bà M chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị M phải chịu 73.024.000 đồng (tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Trương Thị N 36.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09731 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

- Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

